

Bản án số: 966/2020/DS-PT

Ngày: 30/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng thi công,
xây dựng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quỳnh Châu.

Các Thẩm phán:

Ông Lại Huỳnh Tú

Bà Nguyễn Thị H1ền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Vũ Khắc – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 419/2020/TLPT-DS ngày 17
tháng 8 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng”; Do Bản án
dân sự sơ thẩm số: 162/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Toà án nhân dân quận
Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4493/2020/QĐPT-DS ngày
26/8/2020 và Quyết định hoãn 10352/2020/QĐ-PT ngày 14/9/2020 của Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: x A đường x khu phố x, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, thành
phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đinh Văn H1, sinh năm 1970

Địa chỉ: x đường Phan H1 Ích, phường x, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí
Minh.

2.2. Bà Trần Ngọc H2, sinh năm 1968 (có mặt)

Thường trú: x đường Dương Văn Cam, khu phố x, phường Linh Tây, quận
Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cư trú: 1/1/1A Linh Đông, khu phố 7, phường Linh Đông, quận Thủ
Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Chu Văn T1**, sinh năm 1966 (có mặt)

Thường trú: x Công Quỳnh, phường Nguyễn Cư T, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cư trú: xLinh Đông, khu phố x, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2019, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quá trình tranh tụng tại tòa, ông Nguyễn Văn B là nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/10/2018 ông và ông Đinh Văn H1 (ông H1 là giám đốc Công ty xây dựng Điền H1) có ký kết hợp đồng xây dựng nhà dân dụng (địa chỉ Lô B8, KDC TDH Bình Chiểu) với ông bà Chu Văn T1 và Trần Ngọc H2. Công trình được khởi công ngày 04/11/2018. Ông đã nói trước với chủ nhà khi ký hợp đồng nguyên tắc là ông không làm bên xây dựng nhưng ông có một nhóm bạn đối tác đang làm nhà cho ông nên ông nhận làm giúp vì sự thuận tiện. Do sự thuận tiện về điều kiện thi công, ông đã tính trên đơn giá tương đối vừa phải. Tổng diện tích sàn xây dựng theo hợp đồng là 203 m². Diện tích thực tế thi công là 245 m², ông và ông H1 đã tính thiếu diện tích so với thực tế khi bỏ qua 9 m² phần ban công. Ngoài ra ông cũng đồng ý cho phép thi công mái đổ bê tông là 32.2 m² so với thiết kế ban đầu là khung thép và ngói, ông và ông H1 cũng không tính phần diện tích xây dựng tường, cổng sân trước và sau không có trong thiết kế. Giá trị hợp đồng là 629.000.000 đ (Sáu trăm hai mươi chín triệu đồng), ông và ông H1 đã được thanh toán tạm ứng 4 lần 400 triệu đồng. Theo thỏa thuận cả nhóm, ông chịu trách nhiệm làm việc với ông T1, bà H2 về tiếp nhận, quản lý tài chính và hỗ trợ trong đăng ký các thủ tục ký hợp đồng nguyên tắc với chủ dự án sau đó. Ông H1 quản lý thực hiện ở hiện trường bao gồm trách nhiệm kỹ thuật, quản lý công nhân và vật tư, sổ sách công trường. Trong quá trình thi công ông H1 là người trực tiếp gọi vật tư của Công ty Lộc Hiếu Phát và công ty Duy Linh để xây dựng nhà của ông T1, bà H2. Tuy nhiên, ông là người trực tiếp nhận tiền từ chủ đầu tư (ông T1, bà H2) để thanh toán cho Công ty Lộc Hiếu Phát và công ty Duy Linh. Sau khi xây dựng xong phần thô, số tiền vật tư còn nợ lại là 148.480.000 đ (Một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng). Tuy nhiên trong hợp đồng thì giới hạn chi phí phần thô là 503.200.000 đồng. Ông đã nhận 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) nên số tiền còn nợ lại theo hợp đồng là 103.200.000 đồng. Mặc dù, số tiền vật tư còn nợ 148.480.000 đồng nhưng ông chỉ yêu cầu thanh toán 103.200.000 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm ngàn đồng) theo hợp đồng, phần còn lại ông tự nguyện không yêu cầu. Ông xác định, phía chủ nhà còn nợ lại tiền vật tư, căn cứ vào hợp đồng ba bên đã ký ngày 24/10/2018 ông yêu cầu bên chủ nhà ông bà Chu Văn T1, Trần Ngọc H2 và ông Đinh Văn H1, thanh toán phần chi phí vật tư và vật liệu đã sử dụng vào xây dựng căn nhà Lô B8, đường N2, dự án khu dân cư Bình Chiểu 2, (thuộc công ty

Phát triển nhà Thuduchouse) với số tiền là 103.200.000 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm ngàn đồng) trong giá trị phân thô. Thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quá trình tranh tụng tại tòa, bà Trần Ngọc H2 là bị đơn trình bày: Gia đình bà có dự định xây nhà và tìm hiểu qua Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 (gọi tắt là Công ty Điền H1) thấy phù hợp nên cùng ký kết thi công nhà theo hợp đồng số 367/HĐNT-2019 (ba bên) được ký giữa chủ nhà là vợ chồng bà. Bên A là Công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức, bên B ông Chu Văn T1 bà Trần Ngọc H2, Bên C là đơn vị thi công là Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 ký ngày 05/3/2019. Nhà xây dựng thuộc Lô đất B8 dự án khu nhà ở Bình Chiểu 2 tại phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức. Trước khi ký hợp đồng nguyên tắc ba bên với Công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức thì vợ chồng bà có ký một hợp đồng thỏa thuận với Công ty Điền H1 và ông Nguyễn Văn B để thực hiện việc thi công xây dựng trong khi chờ thủ tục pháp lý của Công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức. Hợp đồng thỏa thuận này được lập ngày 24/10/2018 (mặc dù hợp đồng ký được ghi là hợp đồng nguyên tắc xây dựng. Tuy nhiên thực chất đây là hợp đồng thỏa thuận được ký giữa hai bên giữa vợ chồng bà và Công ty Điền H1 để tạo thuận lợi trong quá trình thi công căn nhà, ông B chỉ tham gia với tư cách là nhân viên giám sát và là người chịu trách nhiệm nhận tiền của vợ chồng bà để giao lại cho ông H1. Căn cứ hợp đồng thì ông H1 là giám đốc Công ty Điền H1, ông B là người giám sát thi công công trình. Theo thỏa thuận thì người giám sát là người nhận tiền thi công nên vợ chồng bà đã giao cho ông B 450.000.000 đồng. Theo hợp đồng thỏa thuận thì chủ nhà có trách nhiệm giao cho ông B và ông H1 679.000.000 đồng. Ngoài số tiền vợ chồng bà đã giao cho ông B 450.000.000 đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và ông H1 229.000.000 (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng). Tổng cộng ông B và ông H1 đã nhận 679.000.000 đồng (có biên nhận kèm theo) đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B. Trong quá trình thi công nhà của bà, phía công ty Điền H1 và ông B đã gây thiệt hại cho gia đình bà rất nhiều như chưa đóng tiền thế chân 100.000.000 đ (Một trăm triệu đồng) cho Công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức, không xuất hóa đơn VAT để vợ chồng bà làm thủ tục hoàn công căn nhà, về 10% phí bảo trì bà cũng đã giao cho Công ty Điền H1. Ngoài ra trong quá trình thi công xây dựng sai thiết kế ban đầu nên bà phải tốn chi phí sửa chữa (do ông B không có B cấp nên làm sai thiết kế), vật tư kém chất lượng. Do đó khi biết được sự việc vợ chồng bà đã trình bày đến Công ty Điền H1 yêu cầu thay đổi người giám sát là ông B, sau đó Công ty Điền H1 đã có đơn trình đề ngày 02/3/2019 về việc thay đổi nhân sự cho việc hỗ trợ và tổ chức thi công. Sau khi ông B không còn trách nhiệm giám sát công trình của bà thì ông B đã khóa trái cửa, cắt phá ống nước, cúp cầu giao điện, bà phải nhờ Công an đến giải quyết. Với những thiệt hại như trên vợ chồng bà xác định vợ chồng bà là người bị hại, tuy nhiên vợ chồng bà không yêu cầu phía ông B bồi thường. Nguyên vọng của vợ chồng bà đề nghị triệu tập ông H1 đến Tòa để làm

rõ vụ việc và có hướng giải quyết kết thúc vụ án và hoàn thành các thủ tục pháp lý cho việc hoàn công căn nhà cho vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn T1 trình bày: Ông là chồng của bà Trần Ngọc H2, ông xác định lại ông tên Chu Văn T1 không phải Chu Ngọc T1. Ông thống nhất với lời trình bày của bà H2 và không có ý kiến gì thêm.

*** Ý kiến bổ sung của Ông Nguyễn Văn B:** Ông xác định ông có nhận 450.000.000 đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Trong đó 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng) là tiền móng và 400.000.000 đ (Bốn trăm triệu đồng) là tiền vật tư theo hợp đồng ba bên ngày 24/10/2018. Phần còn lại 229.000.000 (Hai trăm hai mươi chín triệu đồng) ông chưa nhận. Theo chủ nhà cho biết chủ nhà đã đưa cho ông H1 229.000.000 đồng nhưng ông H1 không đưa lại cho ông để trả tiền vật liệu xây dựng để xây phần thô căn nhà, vì theo thỏa thuận ông là người quản lý chung, nhận tiền của chủ nhà và trả tiền cho chủ cửa hàng vật liệu cũng như giao cho ông H1 trả tiền công xây dựng cho thợ. Về việc chủ nhà (ông T1, bà H2) giàn xếp với ông H1 ra văn bản chấm dứt việc ông tham gia công trình, việc này ông hoàn toàn không biết. Ông xác định ông chỉ là người hợp tác tham gia quản lý chung công trình trong khoảng thời gian từ ngày 24/10/2018 đến ngày 31/01/2019 và hỗ trợ các thủ tục giấy tờ hợp đồng thi công và là người giữ tiền và giao lại cho ông H1 để thanh toán cho công nhân và ông chịu trách nhiệm trả cho cửa hàng vật liệu xây dựng. Tuy nhiên ông chỉ mới nhận 450.000.000 đồng – 50.000.000 đồng (tiền móng) còn lại 400.000.000 đồng phần tiền vật tư phần thô, phần còn lại là 103.200.000 đồng ông chưa nhận. Do đó ông yêu cầu ông H1, bà H2, ông T1 trả lại số tiền còn thiếu cho ông.

Thời gian qua vào ngày 25/02/2019 ông cùng ông H1 và vợ chồng bà H2 có gặp nhau tại quán cà phê để bàn bạc về số tiền còn phải trả cho ông, sau khi bàn bạc ông H1 và vợ chồng ông T1 có cam kết sẽ trả cho ông số tiền vật tư của phần thô còn lại là 70.000.000 đ (Bảy mươi triệu đồng). Tại thời điểm này ông đồng ý số tiền trên, tuy nhiên sau đó các bên vẫn không thực hiện nên ông có đơn khởi kiện và tại Tòa hôm nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông H1 và vợ chồng bà H2 trả cho ông 103.200.000 đồng theo hợp đồng đã ký. Ông xác định việc các bên thỏa thuận tại quán cà phê chỉ thỏa thuận miệng không có lập biên bản.

Về những ý kiến của ông T1, bà H2 phần thiệt hại mà ông bà đưa ra không phải là do ông cố ý, chỉ do ông nóng nảy nên ông có những hành vi không đúng.

+ Ý kiến bổ sung của bà H2: Bà xác định vào ngày 25/02/2019 vợ chồng bà không có bàn bạc gì về số tiền phải trả cho ông B tại quán cà phê, như lời trình bày của ông B, bởi vợ chồng bà đã thanh toán toàn bộ số tiền thi công theo hợp đồng thỏa thuận với Công ty Điện H1 nên vợ chồng bà không có trách nhiệm gì để thỏa thuận với ông B. Bà yêu cầu ông B minh bạch tài chính với Công ty Điện H1 để giải quyết các số tiền còn nợ nếu có và hoàn tất các thủ tục giấy tờ nhà cho bà.

Ông Đinh Văn H1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ để đến Tòa giải quyết vụ kiện nhưng ông H1 vắng mặt không có lý do theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H1.

Tại phiên Tòa ông Nguyễn Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cụ thể ông yêu cầu ông bà Chu Văn T1, Trần Ngọc H2 và ông Đinh Văn H1, thanh toán phần chi phí vật tư và vật liệu đã sử dụng vào xây dựng căn nhà Lô B8, đường N2, dự án khu dân cư Bình Chiểu 2, (thuộc công ty Phát triển nhà Thuduchouse) với số tiền là 103.200.000 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm ngàn đồng) trong giá trị phần thô. Thực hiện một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của bà H2, ông T1 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B. Về các thiệt hại của ông bà như đã nêu ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 162/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1-/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Đinh Văn H1 phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn B số tiền 103.200.000 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm ngàn đồng) trong giá trị phần thô.

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi, của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2-/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc buộc chủ nhà ông Chu Văn T1, bà Trần Ngọc H2 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn B số tiền 103.200.000 đ (Một trăm lẻ ba triệu hai trăm ngàn đồng) trong giá trị phần thô.

3-/ Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đinh Văn H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.160.000 đ (Năm triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng) ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí 2.580.000 đ (Hai triệu năm trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003430 ngày 23/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Văn B.”

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có Quyết định kháng nghị số 310/QĐKNPT-VKS-DS.

* Tại phiên tòa phúc thẩm Viện kiểm sát không rút kháng nghị. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông H1, bà H2, ông T1 cũng có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 103.200.000 đồng. Nguyên đơn xác định sau khi xét xử sơ thẩm không có kháng cáo.

* Ý kiến của bị đơn bà H2 tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H2 xác định đã trả đủ tiền cho Công ty Điện H1 và trả cho ông B nhận thay cho Công ty Điện H1. Bà H2 xác định bà ký hợp đồng thi công xây dựng với pháp nhân là Công ty CP Phát triển nhà Thủ Đức và Công ty Điện H1, không ký với cá nhân ông B, ông B chỉ là nhân viên giám sát. Do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

* Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 tại phiên tòa phúc thẩm: Không có ý kiến tranh luận.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử tuyên bố nghỉ để nghị án Thẩm phán chủ tọa, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã được thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 10/7/2020, Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm. Ngày 24/7/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức có Quyết định kháng nghị. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn bà H2 có mặt; Bị đơn ông Đinh Văn H1 có đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng số 24-10/2018/HĐ-TCXD ngày 24/10/2018 về việc xây dựng nhà ở cư dân tại lô đất số B8 thuộc dự án nhà ở Bình Chiểu 2, tại phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được ký giữa ông bà Trần Ngọc H2, Chu Văn T1 và Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điện H1 (đại diện bởi ông Đinh Văn H1 và ông Nguyễn Văn B là người hỗ trợ và tổ chức thi công) và Hợp đồng nguyên tắc ba bên số

367/HĐNT-2019 ngày 05/3/2019 được ký giữa Bên A là Công ty cổ phần phát triển nhà Thủ Đức, Bên B là ông Chu Văn T1 và bà Trần Ngọc H2, Bên C đơn vị thi công là Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1. Xét thấy quá trình ký kết hợp đồng, Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 là bên trực tiếp ký kết các hợp đồng thi công xây dựng với bà H2, ông T1. Mặc dù tại Hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng số 24-10/2018/HĐ-TCXD ngày 24/10/2018 ông Đinh Văn H1 ký tên với tư cách cá nhân, không có đóng dấu của công ty nhưng bên B ghi tại hợp đồng ký kết là Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1. Và sau đó ngày 05/3/2019 tại hợp đồng nguyên tắc ba bên có đóng dấu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 (đại diện theo pháp luật của công ty là ông Đinh Văn H1) và quá trình thực hiện hợp đồng thi công xây dựng vào các ngày 04, 07, 09, 14, 16, 22, 23, 30/3/2019 và ngày 06, 11/4 năm 2019 thể hiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 có nhận tiền thi công của bà H2 tổng cộng là 230.000.000 đồng (có lập biên nhận của Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1) nên có cơ sở xác định Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 là công ty trực tiếp ký kết và thực hiện hợp đồng thi công xây dựng với bà H2, ông T1, chứ không phải ông Đinh Văn H1 thực hiện việc ký kết hợp đồng với tư cách cá nhân ông H1. Do đó mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến Hợp đồng nguyên tắc thi công xây dựng ngày 24/10/2018 và hợp đồng nguyên tắc ba bên ngày 05/3/2019 về việc xây dựng nhà ở cư dân tại lô đất số B8 thuộc dự án nhà ở Bình Chiểu 2 tại phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh phải do 3 bên gồm: Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức, Bà H2 và ông T1, Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 có trách nhiệm giải quyết. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cổ phần Phát triển nhà Thủ Đức và Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để làm rõ quyền và nghĩa vụ nhận trả số tiền thi công xây dựng giữa các bên là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ về việc ông B có được Công ty Trách nhiệm hữu hạn xây dựng Điền H1 hay cá nhân ông H1 ủy quyền nhận số tiền thi công xây dựng nhà của bà H2, ông T1 hay không nhưng tuyên buộc ông Đinh Văn H1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Văn B số tiền 103.200.000 đồng là chưa chính xác.

Những sai sót trên của Tòa án cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 162/2020/DS-ST ngày 10/7/2020 của Toà án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử;

Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo trình tự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Quỳnh Châu